

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỊNH LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỊNH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH LONG INVESTMENT TRADING GROUP CORPORATION

Tên công ty viết tắt: THINH LONG GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0108954788

3. Ngày thành lập: 21/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, Ngõ 389/17, Tổ 42, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437823461

Fax:

Email: info@thinhlonggroup.com

Website: thinhlonggroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
6.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
7.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

9.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
10.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102
13.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
14.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15.	Xây dựng công trình điện	4221
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (không bao gồm Chia tách đất với cải tạo đất)	4299
23.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
25.	Quảng cáo (không bao gồm Quảng cáo thuốc lá)	7310
26.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
27.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
28.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
32.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
36.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
37.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
39.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
40.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511

41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Cho thuê xe có động cơ	7710
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
48.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
49.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
50.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

55.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
56.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
58.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
64.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
65.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
66.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
67.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ; - Dạy máy tính	8559
68.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
73.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô	4933
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
78.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
79.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
80.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
81.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
82.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
83.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
88.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ đấu giá hàng hoá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
89.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa; - Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
90.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản	6820
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
93.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
94.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
95.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
96.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
97.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
98.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
99.	Lập trình máy vi tính	6201
100.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
101.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
102.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm xuất bản phẩm)	5820
103.	Bán buôn tổng hợp	4690
104.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

105.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình) cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí): - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình	7729
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
108.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
109.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
110.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
111.	Dịch vụ đóng gói	8292
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu nhập khẩu hàng hoá	8299
113.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
114.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
115.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
116.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
117.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
118.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
119.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
120.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
121.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
122.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
123.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
124.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

125.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng. Cụ thể - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); - Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; - Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS); - Sản xuất máy triệt sự tràn; - Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện; - Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác; - Sản xuất máy thực hành gia tốc; - Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc; - Sản xuất súng cầm tay hàn sắt; - Sản xuất nam châm điện; - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; - Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản; - Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong; - Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay	2790
126.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
127.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
128.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
129.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

130.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế công trình cầu, kết cấu công trình xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh vực xây dựng - hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông cầu đường bộ lĩnh vực xây dựng - hoàn thiện; - Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm thiết kế các công trình cầu đường bộ; công trình hầm giao thông; các công trình phụ trợ trên đường; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án;- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy thủy điện; - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy nhiệt điện; - Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện; - Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện; - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.	7110
131.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
132.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; - Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động	7830(Chính)
133.	Đào tạo sơ cấp	8531
134.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề điện tử, cơ khí, hàn, tiện, mộc, may, sơn, sửa chữa ô tô, sửa chữa đồ điện tử; Dạy nghề đầu bếp, giúp việc gia đình, chăm sóc bệnh nhân, lao động nông nghiệp; Dạy nghề công nhân xây dựng, quản lý xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
135.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng	6190
136.	Giáo dục nhà trẻ	8511
137.	Giáo dục mẫu giáo	8512

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÝ THU HẰNG	Số 25, Ngõ 389/17, Tổ 42, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	228.000	2.280.000.000	38,000	011893493	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	228.000	2.280.000.000	38,000		
2	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	Tổ dân phố số 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	156.000	1.560.000.000	26,000	026172001850	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	156.000	1.560.000.000	26,000		

3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	160 Tổ 9, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	10,000	013263948	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Phòng 1710, N09 B1, Tổ 39 Dự án tại Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	156.000	1.560.000.000	26,000	013263947	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	156.000	1.560.000.000	26,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 21/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013263947

Ngày cấp: 04/03/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 1710, N09 B1, Tổ 39 Dự án tại Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1710, N09 B1, Tổ 39 Dự án tại Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội